

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4- 2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thành Hiệp

2/ Ông Phan Văn Dân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp Phú H, xã B, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm: 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp Phú H, xã B, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 23/6/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Mai Văn T quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2000, chúng tôi không có tổ chức cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tôi với ông Mai Văn T về sống chung với gia đình cha mẹ tôi. Đến năm 2004, chúng tôi có nhà ra riêng cất trên đất của cha mẹ tôi. Chúng tôi sống êm ấm, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, anh T lại có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, lén lút sống như vợ chồng với người phụ nữ đó, ít

quan tâm đến gia đình vợ con...áp lực cuộc sống ngày càng nhiều quá sức chịu đựng của tôi. Từ đó bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Nên chúng tôi luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm, không hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Mai Văn T.

- *Về con chung*: Có 2 con chung tên là Mai Nhật D, sinh ngày 09/9/2001, Mai Nhật D, sinh ngày 15/2/2012. Hiện cháu Mai Nhật D đã trưởng thành. Còn cháu Mai Nhật D đang sống với bà H, sau ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2021, biên bản hòa giải ngày 17/3/2022 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Mai Văn T trình bày

-*Về hôn nhân*: Tôi và cô Nguyễn Thị Thu H kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết, tự nguyện sống chung như vợ chồng, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tôi về sống chung với gia đình cha mẹ vợ. Đến năm 2004 chúng tôi có nhà ra riêng cất trên đất của cha mẹ vợ. Chúng tôi sống êm ấm hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc giải quyết, xử lý chuyện nội bộ gia đình. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Nên chúng tôi luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm chúng tôi bị rạn nứt, do mâu thuẫn ngày càng nhiều không hòa giải được, chúng tôi không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc dài lâu được nữa. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H tôi đồng ý ly hôn.

-*Về con chung*: Có 2 con chung tên là Mai Nhật D , sinh ngày 09/9/2001, Mai Nhật D , sinh ngày 15/2/2012. Hiện cháu Mai Nhật D đã trưởng thành. Sau ly hôn ông đồng ý để cháu D cho bà H nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Mai Văn T chung sống với nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa ngày 23/6/2021 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của bà H và ông T. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông T đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của bà H và ông T đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà H

và ông T không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Mai Văn T là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Có 2 con chung tên là Mai Nhật D , sinh ngày 09/9/2001, Mai Nhật D , sinh ngày 15/2/2012. Hiện cháu Mai Nhật D đã trưởng thành. Còn cháu Mai Nhật D đang sống với bà H , sau ly hôn bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu D từ nhỏ cho đến nay đều sống với bà H được bà H chăm sóc ổn định. Tại bản tự khai ngày 17/3/2022 của cháu Mai Nhật D cũng có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để bà H được tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp, ông Trường không cấp dưỡng nuôi con. Bà H phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi ông thực hiện quyền này.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H . Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Mai Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Mai Nhật D , sinh ngày 9/9/2001 và cháu Mai Nhật D , sinh ngày 15/2/2012; Hiện cháu D đã trưởng thành. Còn cháu Di sau ly hôn bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D , ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà H phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi ông thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002897 ngày 17/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Mai Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/4/2022).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung